

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 1**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 từ nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND-KTNS ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2021 với các nội dung như sau:

I. Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2021 là 6.958 tỷ 755 triệu đồng, tăng 1.012 tỷ 588 triệu đồng so với kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, bao gồm:

1. Tiền sử dụng đất tăng:

1.034 tỷ 688 triệu đồng.



Trong đó:

- Tiền sử dụng đất khối tỉnh tăng: 800 tỷ 262 triệu đồng;
 - Tiền sử dụng đất khối huyện, thị xã, thành phố tăng: 234 tỷ 426 triệu đồng.
 - 2. Nguồn thu xổ số kiến thiết tăng: 50 tỷ đồng.
 - 3. Giảm đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 72 tỷ 100 triệu đồng.
- (Kèm theo Biểu tổng hợp)*

II. Phương án phân bổ:

6.958 tỷ 755 triệu đồng.

1. Nguồn ngân sách trung ương:

1.100 tỷ 647 triệu đồng.

Bao gồm:

1.1. Vốn trong nước *(Kèm theo Biểu số 1)*:

900 tỷ 647 triệu đồng.

Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp:

900 tỷ 647 triệu đồng.

1.2. Vốn nước ngoài *(Kèm theo Biểu số 2)*:

200 tỷ đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương:

5.858 tỷ 108 triệu đồng.

Bao gồm:

2.1. Vốn xây dựng cơ bản tập trung:

495 tỷ 861 triệu đồng.

Trong đó:

- Phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố:

286 tỷ 200 triệu đồng;

- Vốn thực hiện dự án:

41 tỷ 640 triệu đồng;

- Vốn xây dựng nông thôn mới:

168 tỷ 021 triệu đồng;

2.2. Vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất:

4.441 tỷ 832 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố:

1.127 tỷ 426 triệu đồng;

- Vốn thực hiện dự án:

2.837 tỷ 563 triệu đồng;

Bao gồm:

+ Dự án chuyển tiếp:

1.374 tỷ 548 triệu đồng;

+ Dự án khởi công mới:

1.463 tỷ 015 triệu đồng;

- Vốn xây dựng nông thôn mới:

317 tỷ 979 triệu đồng;

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

80 tỷ đồng;

- Vốn chuẩn bị đầu tư:

58 tỷ 864 triệu đồng;

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp:

20 tỷ đồng.

2.3. Vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết:

860 tỷ 415 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố (hỗ trợ có

140 tỷ đồng;



mục tiêu xây dựng 200 phòng học):

- **Vốn thực hiện dự án:** 720 tỷ 415 triệu đồng.
 - Bao gồm:**
 - + **Dự án chuyên tiếp:** 177 tỷ 415 triệu đồng;
 - + **Dự án khởi công mới:** 543 tỷ đồng;
 - 2.4. **Vốn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh:** 20 tỷ đồng.
 - 2.5. **Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương:** 40 tỷ đồng.
- (Kèm theo Biểu số 3, phụ lục 3.1, 3.2, 3.3, 3.4)*

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 1 thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH và ĐT;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH Phúc



Huỳnh Thị Hằng



BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 2 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021			Tăng	Giảm
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài		
	TỔNG SỐ	5.946.167	5.634.067	312.100	6.958.755	6.718.755	240.000	1.084.688	72.100
I	Vốn ngân sách trung ương	1.100.647	900.647	200.000	1.100.647	900.647	200.000	-	-
1	Vốn trong nước	900.647	900.647		900.647	900.647			
	Trong đó								
	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	300.000	300.000		300.000	300.000			
	Thu hồi các khoản ứng trước	30.434	30.434		30.434	30.434			
2	Vốn nước ngoài	200.000		200.000	200.000		200.000		
II	Vốn ngân sách địa phương	4.845.520	4.733.420	112.100	5.858.108	5.818.108	40.000	1.084.688	72.100
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	495.861	495.861		495.861	495.861		-	-
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.407.144	3.407.144	-	4.441.832	4.441.832		1.034.688	
	Khối tỉnh	2.514.144	2.514.144		3.314.406	3.314.406		800.262	
	Khối huyện, thị, thành phố	893.000	893.000		1.127.426	1.127.426		234.426	
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	810.415	810.415		860.415	860.415		50.000	
4	Vốn hỗ trợ của TP. HCM	20.000	20.000		20.000	20.000		-	
5	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	112.100		112.100	40.000		40.000		72.100

Ghi chú: Tiền SDD khối tỉnh năm 2021 là **4.312 tỷ đồng**. Để lại **1.004 tỷ 920 triệu đồng**, bao gồm: 187 tỷ 542 triệu đồng hoàn trả số hụt thu tiền SDD năm 2019 và 274 tỷ 738 triệu đồng hụt thu tiền SDD năm 2020; 174 tỷ đồng chi sự nghiệp duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông (trong đó: dự án Đường ĐT.751 đoạn từ Minh Long đi cầu Bà Và là 50 tỷ đồng); 126 tỷ đồng chi sự nghiệp hạ tầng công nghệ thông tin; 20 tỷ đồng chi sự nghiệp phát thanh truyền hình - và báo Bình Phước (mua sắm trang thiết bị theo đề án chuyển đổi truyền hình kỹ thuật số); 6 tỷ đồng chi sự nghiệp văn hóa (sửa chữa nâng cấp các tuyến đường nội bộ và một số hạng mục nhà ở trung tâm thể dục thể thao tỉnh); 130 tỷ đồng chi đo đạc hồ sơ địa chính, dữ liệu đất đai; trích 2% dự phòng 86 tỷ 640 triệu đồng; còn lại bố trí đầu tư công năm 2021 là **3.307 triệu 080 đồng** + 7 tỷ 326 triệu đồng (vốn năm 2019 chuyển sang) = **3.314 tỷ 406 triệu đồng**



Biểu số 1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2021

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021			Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số			Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước
TỔNG SỐ			4.444.998	4.217.289	900.647	900.647	30.434	900.647	900.647	30.434		
A	Các dự án chuyển tiếp sang 2021		3.448.855	3.236.146	702.000	702.000	30.434	900.647	900.647	30.434		
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		2.300.000	2.198.800	492.000	492.000	-	630.647	630.647	-		
1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	70.000	70.000		150.000	150.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.450.000	1.450.000	300.000	300.000		355.647	355.647		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/ QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	400.000	100.000	100.000		115.000	115.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	80.000	77.000	12.000	12.000					UBND huyện Phú Riềng	Do vướng GPMB không có khả năng giải ngân vốn



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	<i>Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>		Tổng số	<i>Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>		
1	Khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)	736/QĐ-UBND ngày 10/4/2008	70.000	70.000	3.712	3.712	3.712	3.712	3.712	3.712	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Dự án đầu tư sản xuất giống cây ca cao và cao su giai đoạn 2007-2010	2694/QĐ-UBND ngày 26/10/2016.	9.130	9.130	2.722	2.722	2.722	2.722	2.722	2.722	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	2710/QĐ-UBND ngày 27/10/2016.	10.000	10.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	2947/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	12.000	12.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016.	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sa Cát	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016.	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		
B	Các dự án khởi công mới năm 2021		996.143	981.143	198.647	198.647	-	-	-	-		
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		150.000	135.000	30.000	30.000	-	-	-	-		
1	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biền đi cầu Đò xã Lộc Điền)	853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.000	135.000	30.000	30.000	-	-	-	-	UBND huyện Lộc Ninh	
II	Nông nghiệp, thủy lợi		111.143	111.143	43.647	43.647	-	-	-	-		
1	Xây dựng hệ thống kênh tưới cụm công trình thủy lợi huyện Lộc Ninh	2469/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	111.143	111.143	43.647	43.647	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Chuyển sang đầu tư nguồn vay ODA
III	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		585.000	585.000	100.000	100.000	-	-	-	-		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	551/QĐ-UBND ngày 5/3/2021	185.000	185.000	40.000	40.000	-	-	-	-	UBND huyện Hớn Quản	
2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	400.000	60.000	60.000	-	-	-	-	UBND huyện Đồng Phú	
IV	Quốc phòng		150.000	150.000	25.000	25.000	-	-	-	-		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	<i>Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>		Tổng số	<i>Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước</i>		
1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	150.000	25.000	25.000	-	-	-	Bộ chỉ huy bộ độ biên phòng tỉnh		





Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 2 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư						Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021 (nguồn cấp phát từ NSTW)	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021 (nguồn cấp phát từ NSTW)	Chủ đầu tư	
			TMĐT										
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
TỔNG SỐ			495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	268.925	200.000	200.000	
Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	268.925	200.000	200.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	



Biểu số 3

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Nguồn ngân sách địa phương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

4.444.032

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Số vốn miễn thuế	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Trong đó:							
								Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Tổng số	4.845.520	495.861	3.407.144	810.415	20.000	112.100	5.858.108	495.861	4.441.832	860.415	20.000	40.000		
A	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	1.179.200	286.200	893.000	-	-	-	1.553.626	286.200	1.127.426	140.000	-	-		
1	Thành phố Đồng Xoài	174.000	28.000	146.000				189.680	28.000	161.680					
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	43.800		43.800				48.504		48.504					
2	Thị xã Bình Long	89.900	23.900	66.000				65.900	23.900	42.000					
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	19.800		19.800				12.600		12.600					
3	Thị xã Phước Long	116.500	21.500	95.000				116.500	21.500	95.000					
	Trong đó:	0													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	28.500		28.500				28.500		28.500					
4	Huyện Đồng Phú	118.000	30.000	88.000				118.000	30.000	88.000					
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	26.400		26.400				26.400		26.400					
5	Huyện Bù Đăng	102.000	30.000	72.000				172.000	30.000	72.000	70.000				
	Trong đó:	0													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	21.600		21.600				21.600		21.600					
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 100 phòng học)							70.000			70.000				
6	Huyện Bù Gia Mập	60.500	24.500	36.000				102.500	24.500	36.000	42.000				
	Trong đó:	0													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	10.800		10.800				10.800		10.800					
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 60 phòng học)							42.000			42.000				
7	Huyện Chơn Thành	61.700	25.700	36.000				206.446	25.700	180.746					
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	10.800		10.800				54.224		54.224					
8	Huyện Hớn Quản	106.600	24.600	82.000				106.600	24.600	82.000					
	Trong đó:														
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	24.600		24.600				24.600		24.600					
9	Huyện Lộc Ninh	124.400	32.400	92.000				222.400	32.400	190.000					
	Trong đó:	0													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	27.600		27.600				57.000		57.000					
10	Huyện Bù Đốp	56.300	22.300	34.000				84.300	22.300	34.000	28.000				
	Trong đó:	0													
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	10.200		10.200				10.200		10.200					
	Tình hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 40 phòng học)							28.000			28.000				
11	Huyện Phú Riềng	169.300	23.300	146.000				169.300	23.300	146.000					
	Trong đó:														

BỘ CÔNG

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	43.800		43.800				43.800		43.800					
B	Vốn thực hiện dự án	3.028.433	41.640	2.139.318	715.375	20.000	112.100	3.659.618	41.640	2.837.563	720.415	20.000	40.000		
	Dự án chuyên tiếp	1.608.898	0	1.254.423	242.375	0	112.100	1.591.963	0	1.374.548	177.415	0	40.000		
I	Đổi ứng dự án PPP	-	-	-	-	-	-	163.500	-	163.500	-	-	-		
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài							163.500		163.500				Sở Xây dựng	
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	1.121.500	-	999.400	10.000	-	112.100	889.700	-	849.700	-	-	40.000		
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	130.000		130.000										Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Chuyển qua đầu tư nguồn NSTW
2	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	110.000		110.000				65.000		65.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Vướng GPMB
3	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	85.000		85.000				85.000		85.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	30.000		30.000				120.300		120.300				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	27.800		27.800				27.800		27.800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	17.000		17.000				22.000		22.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tĩnh lý	160.000		160.000				120.000		120.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Khả năng giải ngân 120 tỷ
8	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	38.800		38.800				38.800		38.800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
9	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	112.100					112.100	50.000		10.000		40.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh vay lại TW vốn ADB của dự án Minh Lập - Lộc Hiệp
10	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiến - suối Tâm Vồng TX Đồng Xoài	25.000		25.000				25.000		25.000				UBND TP Đồng Xoài	
11	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	100.000		100.000				100.000		100.000				UBND TP Đồng Xoài	
12	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	18.100		18.100				8.100		8.100				UBND thị xã Bình Long	
13	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	37.700		27.700	10.000			37.700		37.700				UBND huyện Chơn Thành	
14	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	80.000		80.000				80.000		80.000				UBND huyện Lộc Ninh	
15	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	40.000		40.000				40.000		40.000				UBND huyện Bù Đốp	
16	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	70.000		70.000				70.000		70.000				UBND huyện Phú Riềng	
17	Dự án xây dựng đường vòng quanh và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng	40.000		40.000										UBND huyện Phú Riềng	
III	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	37.500	-	37.500	-	-	-	57.500	-	57.500	-	-	-		
1	Đường trục chính từ QL13 vào khu công nghiệp Tân khai II, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	15.000		15.000				15.000		15.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
2	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	11.700		11.700				11.700		11.700				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	10.800		10.800				30.800		30.800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
IV	Y tế	48.500	-	-	48.500	-	-	68.500	-	-	68.500	-	-		
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	48.500			48.500			48.500		48.500				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	xây dựng cầu nổi và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh							20.000		20.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
V	Giáo dục - Đào tạo	161.500	-	-	161.500	-	-	106.500	-	-	106.500	-	-		
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	110.000			110.000			60.000		60.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Khả năng giải ngân năm 2021 chỉ 60 tỷ đồng
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	51.500			51.500			46.500		46.500				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Khả năng giải ngân năm 2021 chỉ 46,5 tỷ đồng
VI	Quốc phòng - An ninh	20.100	-	10.100	10.000	-	-	50.100	-	50.100	-	-	-		
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	10.100		10.100				10.100		10.100				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	10.000			10.000			10.000		10.000				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
3	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh							20.000		20.000				Công an tỉnh	
4	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng							10.000		10.000				Công an tỉnh	
VII	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án BOT đường Đồng Phú Bình Dương	160.000		160.000				160.000		160.000					
VIII	Vốn lập quy hoạch tính theo quy định của Luật quy hoạch	41.633		31.633	10.000			31.633		31.633				Sở KHĐT	Khả năng giải ngân năm 2021 chỉ 31,6 tỷ đồng
IX	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	18.165		15.790	2.375			64.530		62.115	2.415				Chi tiết tại PL 3.1
	Dự án khởi công mới	1.419.535	41.640	884.895	473.000	20.000	-	2.067.655	41.640	1.463.015	543.000	20.000	-		
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	1.001.535	41.640	681.895	258.000	20.000	-	1.228.895	41.640	1.128.255	39.000	20.000	-		
1	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	162.000		162.000				84.000		84.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Khả năng giải ngân 84 tỷ đồng
2	Xây dựng đường Đồng Hữu - Bầu Nám, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nám)	63.000		63.000				63.000		63.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng cầu dân sinh	41.640	41.640					80.000	41.640	38.360				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	40.000		40.000				40.000		40.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	80.000		80.000				65.000		65.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Khả năng giải ngân 65 tỷ đồng
6	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753							19.000		19.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	20.000		20.000				50.000		50.000				UBND TP Đồng Xoài	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021					Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh		Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		
8	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đò đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đông)	27.000			27.000		27.000					UBND TP Đồng Xoài	
9	Xây dựng đường vào trại giam An Phước						20.000					UBND TP Đồng Xoài	
10	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	24.000			24.000		39.000					UBND TX Phước Long	
11	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	25.000		4.000	21.000		45.000		45.000			UBND TX Phước Long	
12	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	16.000			16.000		33.000		33.000			UBND TX Bình Long	
13	Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	66.895		66.895			895		895			UBND huyện Chơn Thành	Do lập lại dự án nên không có khả năng giải ngân vốn
14	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	26.000			26.000		72.000		72.000			UBND huyện Chơn Thành	
15	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	100.000		80.000	20.000		100.000		100.000			UBND huyện Đồng Phú	
16	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	40.000		40.000			40.000		40.000			UBND huyện Đồng Phú	
17	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	50.000		50.000			50.000		50.000			UBND huyện Đồng Phú	
18	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	36.000		36.000			36.000		36.000			UBND huyện Đồng Phú	
19	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	25.000			25.000		25.000		25.000			UBND huyện Hớn Quản	
20	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản						30.000		30.000			UBND huyện Hớn Quản	
21	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản						20.000		20.000			UBND huyện Hớn Quản	
22	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	30.000			30.000		30.000		30.000			UBND huyện Bù Đăng	
23	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất						20.000		20.000			UBND huyện Bù Đăng	
24	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)						20.000		20.000			UBND huyện Bù Đăng	
25	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	30.000			30.000		60.000		60.000			UBND huyện Lộc Ninh	
26	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ó (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	20.000				20.000	20.000			20.000		UBND huyện Bù Gia Mập	
27	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	14.000			14.000		39.000		25.000	14.000		UBND huyện Bù Gia Mập	
28	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	15.000		15.000			36.000		36.000			UBND huyện Bù Đốp	
29	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	25.000		25.000			25.000		25.000			UBND huyện Phú Riềng	

STT	Danhs mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:						
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh		Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh		
30	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quán	25.000			25.000		25.000			25.000			UBND huyện Phú Riềng	
31	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng						15.000		15.000				UBND huyện Phú Riềng	
II	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT	128.500		90.000	38.500		117.760		91.760	26.000				
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	45.000		45.000			30.000		30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Do vướng GPMB
2	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	45.000		45.000			30.000		30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Do vướng GPMB
3	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	38.500			38.500		38.500		12.500	26.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	-					19.260		19.260				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
III	Nông nghiệp, Thủy lợi	47.000		9.000	38.000		61.000		61.000					
1	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quán	27.000		9.000	18.000		27.000		27.000				UBND huyện Hớn Quán	
2	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cánh Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	20.000			20.000		27.000		27.000				UBND huyện Bù Đốp	
3	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã						7.000		7.000				Liên minh HTX tỉnh	
IV	Giáo dục - Đào tạo	122.500			122.500		510.000		32.000	478.000				
1	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	13.500			13.500		13.500			13.500			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	-					9.000			9.000			UBND huyện Phú Riềng	
3	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	-					9.000			9.000			UBND huyện Chơn Thành	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	-					27.000			27.000			UBND huyện Bù Đốp	
5	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	-					13.500			13.500			UBND huyện Bù Đăng	
6	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	-					13.500			13.500			UBND huyện Lộc Ninh	
7	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	-					13.500			13.500			UBND huyện Bù Đăng	
8	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	-					30.000			30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
9	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025						36.000			36.000			Sở Giáo dục và Đào tạo	
10	Xây dựng trường THPT Bình Long	40.000			40.000		40.000			40.000			UBND TX Bình Long	
11	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	20.000			20.000		20.000			20.000			UBND huyện Bù Đăng	
12	Trường mẫu giáo Sơn Ca, xã Thống nhất, huyện Bù Đăng	9.000			9.000		18.000			18.000			UBND huyện Bù Đăng	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021						Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021						Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:						
			Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Chi XD/CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
13	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	25.000			25.000			25.000			25.000			UBND huyện Lộc Ninh	
14	GPMB xây dựng trung tâm giáo dục sáng tạo tỉnh							200.000		32.000	168.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
15	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa							15.000			15.000			UBND huyện Bù Gia Mập	
16	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	15.000			15.000			27.000			27.000			UBND huyện Bù Đốp	
V	Văn hóa xã hội	91.000	-	75.000	16.000	-	-	121.000	-	121.000	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
1	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	75.000		75.000				75.000		75.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	16.000			16.000			16.000		16.000				UBND huyện Bù Gia Mập	
3	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn							15.000		15.000				Đài PTTH tỉnh	
4	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm							15.000		15.000				Đài PTTH tỉnh	
VI	Quốc phòng - An ninh	29.000	-	29.000	-	-	-	29.000	-	29.000	-	-	-		
1	GPMB trường bắn Bù Đăng và xây dựng 02 nhà kho cất chứa mìn công binh	29.000		29.000				29.000		29.000				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
C	Chương trình MTQG nông thôn mới	486.000	168.021	227.326	90.653			486.000	168.021	317.979					Chi tiết tại P.L 3.2
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	80.000		80.000				80.000		80.000					Chi tiết tại P.L 3.3
E	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	51.887		47.500	4.387			58.864		58.864					Chi tiết tại P.L 3.4
F	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	-	-	-		
1	Cụm công nghiệp Minh Hưng 1 - huyện Bù Đăng	10.000		10.000				10.000		10.000					Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết theo quy định tại Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020
2	Cụm công nghiệp Minh Hưng 2 - huyện Bù Đăng	10.000		10.000				10.000		10.000					Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết theo quy định tại Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020





Phụ lục 3.1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN NĂM 2021 TẮT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		18.165	64.530		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc tấn - Bù Đốp đoạn từ ngã ba Lộc tấn đến xã Lộc Hiệp dài 8km	1272/QĐ-UBND ngày 13/6/2018		19.998	Sở GTVT	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lộc tấn - Bù Đốp đoạn từ xã Lộc Hiệp đến xã Tân Tiến huyện Bù Đốp dài 8km	2674/QĐ-UBND ngày 22/11/2018		16.040	Sở GTVT	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Kênh thoát nước T2 khu vực trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	172/QĐ-STC ngày 31/12/2019	221	223	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực huyện Lộc Ninh	1260/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	512	512	Công an tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh, hạng mục Chi phí chuẩn bị và xây dựng tuyến kênh N2	1261/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	1.202	1.202	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài (đoạn từ Trần Phú đến đường Hai Bà Trưng)	1358/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	1.181	1.181	BQLDA thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, hạng mục Xây dựng đường và hệ thống thoát nước mưa đường Nguyễn Bình Khiêm, đường 14A, đường số 7 (N2), một đoạn đường Hàm Nghi và đường số 7 (N1) đoạn từ Km0+340 đến cuối tuyến	1359/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	1.454	1.454	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2017	1778/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	307	307	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018	1779/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	312	312	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016-2017	1780/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	299	299	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Trường Mầm non Tuổi thơ xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	4247/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	1.814	1.814	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Nâng cấp Trung tâm Dạy nghề thị xã Phước Long (giai đoạn 1)	3023/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	473	473	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Đăng	1124/QĐ-UBND ngày 16/5/2016	23	23	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Trung tâm Dạy nghề huyện Đồng Phú	867/QĐ-UBND ngày 23/4/2018	309	309	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Trung tâm Giáo dục lao động tạo việc làm tỉnh Bình Phước	1722/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	286	286	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Gia Mập	47/QĐ-STC ngày 8/5/2019	107	107	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tả Thiết	2691/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1.817	1.817	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
18	Xây dựng đường vào Thác Dứng, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	2787/QĐ-UBND ngày 6/11/2020	3.035	3.035	UBND huyện Bù Đăng	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
19	Nâng cấp láng nhựa đường từ ngã ba Phước Lộc đi bến đò Phước Tín, thị xã Phước Long	2692/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	658		UBND thị xã Phước Long	Không vượt tổng mức đầu tư
20	Trường tiểu học Tân Khai A, xã Tân Khai, huyện Hớn Quản	2692/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1.780	1.780	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
21	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Bình Long	3011/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	24	24	Sở Y tế	Không vượt tổng mức đầu tư
22	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh	3012/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	21	21	Sở Y tế	Không vượt tổng mức đầu tư
23	Xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa tỉnh	3013/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	1.044	1.044	Sở Y tế	Không vượt tổng mức đầu tư
24	Xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Phước Long	3014/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	23	23	Sở Y tế	Không vượt tổng mức đầu tư
25	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình, huyện Phú Riềng	3245/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	513	513	Hạt kiểm lâm Bù Đốp	Không vượt tổng mức đầu tư
26	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống thủy lợi M26, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	352/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	74	74	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
27	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương, huyện Hớn Quản	353/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	99	99	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
28	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Sa Cát, thị xã Bình Long	354/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	113	113	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
29	Xây dựng đường giao thông xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài (Hạng mục: Xây dựng đường giao thông xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài; Cải tạo sửa chữa Tượng đài chiến thắng Đồng Xoài; Giải tỏa, đền bù)	977/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	96	96	UBND thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
30	Đường vào ấp Bưng Sê (đoạn từ quốc lộ 14 đến cầu Thuận Phú), thị xã Đồng Xoài	97/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	256	256	UBND thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
31	Xây dựng đồn công an Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	147/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	112	112	Công an tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
32	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	670/QĐ-UBND ngày 15/3/2021		3.326	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
33	Xây dựng đồn Công an Khu công nghiệp Minh Hưng III, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	695/QĐ-UBND ngày 18/3/2021		114	Công an tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
34	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	860/QĐ-UBND ngày 05/4/2021		4.780	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
35	Trường mẫu giáo Thanh Lương, thị xã Bình Long	1008/QĐ-UBND ngày 20/4/2021		1.852	UBND thị xã Bình Long	Không vượt tổng mức đầu tư
36	Cấp nước sinh hoạt tập trung khu trung tâm xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	57/QĐ-STC ngày 10/6/2014		14	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
37	Cấp nước sinh hoạt xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	123/QĐ-STC ngày 14/8/2013		83	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
38	Nâng cao mực nước hồ NT6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xả lũ xã Long Hà	215/QĐ-STC ngày 28/12/2018		2	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
39	Sửa chữa mặt đập hồ chứa nước Tân Lợi, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	216/QĐ-STC ngày 28/12/2018		2	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
40	Sửa chữa Trạm bơm Đăng Hà, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	205/QĐ-STC ngày 28/12/2018		4	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
41	Sửa chữa hệ thống kênh thuộc Trạm bơm Đăng Hà	211/QĐ-STC ngày 28/12/2018		4	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
42	Đường điện khu TĐC 80 ha (Phần phát sinh) - DA Thủy lợi Phước Hòa	282/BC-STC ngày 9/2/2021		178	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
43	Đường điện khu TĐC 10 ha (Phần phát sinh) -DA Thủy lợi Phước Hòa	283/BC-STC ngày 9/2/2021		22	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
44	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Nhà Bích, huyện Chơn Thành	83/QĐ-STC ngày 08/7/2020		48	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
45	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Phước Tín, thị xã Bình Long	84/QĐ-STC ngày 08/7/2020		35	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
46	Đắp đập dâng (tạm) trên suối Ba Veng	89/QĐ-STC ngày 20/7/2020		70	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
47	Sửa chữa các máy bơm ly tâm cũ Trạm bơm Đàng Hà, huyện Bù Đàng	90/QĐ-STC ngày 21/7/2020		9	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
48	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bù Môn, huyện Bù Đàng	91/QĐ-STC ngày 21/7/2020		80	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
49	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	92/QĐ-STC ngày 21/7/2020		37	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
50	Nâng cấp tuyến kênh tưới sau đập dâng Tôn Lê Chàm, huyện Lộc Ninh	95/QĐ-STC ngày 22/7/2020		10	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
51	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	85/QĐ-STC ngày 08/7/2020		41	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
52	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước SHTT liên xã Bù Nho - Long Tân, huyện Phú Riềng	142/QĐ-STC ngày 01/10/2020		98	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
53	Sửa chữa, nâng cấp trạm cấp nước tập trung Rừng Cắm, xã Lộc Tân, huyện Lộc Ninh	143/QĐ-STC ngày 01/10/2020		74	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
54	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn, huyện Bù Đàng	05/QĐ-STC ngày 19/01/2021		72	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
55	Trần xã lũ, kết hợp cầu giao thông nội bộ và công xã bùn cát tại di tích căn cứ bộ chỉ huy Miền Nam Việt Nam 1072-1975	198/QĐ-STC ngày 29/12/2020		27	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư



Phụ lục 3.2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NTM NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu (Km)	Kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021	Ghi chú
	TỔNG SỐ		486.000	486.000	
I	Trả nợ xi măng		150.000	150.000	Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM
II	Hỗ trợ đường giao thông nông thôn	618	120.000	120.000	
1	Huyện Đồng Phú	60	14.937	14.937	
2	Huyện Lộc Ninh	100	16.480	16.480	
3	Huyện Hớn Quản	90	21.648	21.648	
4	Huyện Bù Đăng	135	38.038	38.038	
5	Huyện Phú Riềng	70	12.873	12.873	
6	Huyện Bù Gia Mập	40	11.638	11.638	
7	Huyện Bù Đốp	40	4.386	4.386	
8	Huyện Chơn Thành	25			
9	TP Đồng Xoài	8			
10	Thị xã Phước Long	15			
11	Thị xã Bình Long	35			
					Chi hỗ trợ xi măng theo định mức
III	Hỗ trợ 10 xã về đích nông thôn mới (tiêu chuẩn)		150.000	150.000	
1	Huyện Hớn Quản		30.000	30.000	
	Xã An Phú		15.000	15.000	
	Xã Minh Tâm		15.000	15.000	
2	Huyện Lộc Ninh		30.000	30.000	
	Xã Lộc Khánh		15.000	15.000	
	Xã Lộc Quang		15.000	15.000	
3	Huyện Bù Đốp		15.000	15.000	
	Xã Hưng Phước		15.000	15.000	
4	Huyện Bù Gia Mập		15.000	15.000	
	Xã Phước Minh		15.000	15.000	
5	Huyện Phú Riềng		30.000	30.000	
	Xã Long Bình		15.000	15.000	
	Xã Long Tân		15.000	15.000	
6	Huyện Bù Đăng		30.000	30.000	
	Xã Thống Nhất		15.000	15.000	
	Xã Đường 10		15.000	15.000	
IV	Hỗ trợ xã về đích nông thôn mới (nâng cao)		66.000	66.000	
1	Huyện Đồng Phú		11.000	11.000	
	Xã Tân Lập		5.000	5.000	
	Xã Tân Tiến		6.000	6.000	
2	Huyện Hớn Quản		5.000	5.000	
	Xã Thanh Bình		5.000	5.000	
3	Huyện Bù Đăng		5.000	5.000	
	Xã Minh Hưng		5.000	5.000	
4	Huyện Phú Riềng		11.000	11.000	
	Xã Phú Riềng		5.000	5.000	
	Xã Bù Nho		6.000	6.000	
5	Huyện Bù Gia Mập		5.000	5.000	
	Xã Đa Kìa		5.000	5.000	
6	Huyện Chơn Thành		5.500	5.500	
	Xã Thành Tâm		2.500	2.500	
	Xã Minh Hưng		3.000	3.000	
7	Thị xã Bình Long		2.500	2.500	
	Xã Thanh Lương		2.500	2.500	
8	Huyện Lộc Ninh		12.000	12.000	



STT	Đơn vị	Chỉ tiêu (Km)	Kế hoạch vốn năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021	Ghi chú
	Xã Lộc Hiệp		6.000	6.000	
	Xã Lộc Thái		6.000	6.000	
9	Thành phố Đông Xoài		6.000	6.000	
	Xã Tiên Hưng		3.000	3.000	
	Xã Tân Thành		3.000	3.000	
10	Thị xã Phước Long		3.000	3.000	
	Xã Phước Tín		3.000	3.000	



Phụ lục 3.3

Kế hoạch điều chỉnh vốn Chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo năm 2021



(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	
			Chỉ tiêu	Kinh phí
	Tổng cộng	80.000	1.698	80.000
1	Huyện Phú Riềng		117	2.247,5
	Sửa nhà		17	510
	Xây dựng nhà vệ sinh		25	375
	Nước sinh hoạt (đào giếng)		4	60
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)		20	600
	Kéo điện (điện lưới)		5	17,5
	Chăn nuôi (Bò)		12	480
	Chăn nuôi (Trâu)		1	40
	Nông cụ (máy cắt cỏ)		11	55
	Nông cụ (máy cưa)		9	45
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)		11	55
	Mua xe máy		2	10
2	Huyện Bù Đốp		258	5.095,5
	Sửa nhà		12	360
	Xây dựng nhà vệ sinh		46	690
	Nước sinh hoạt (đào giếng)		14	210
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)		21	630
	Kéo điện (điện lưới)		9	31,5
	Kéo điện (điện mặt trời)		1	9
	Chăn nuôi (Bò)		62	2.480
	Chăn nuôi (Dê)		20	200
	Chăn nuôi (gà)		5	25
	Trồng trọt (điều)		1	5
	Nông cụ (máy cắt cỏ)		35	175
	Nông cụ (máy cưa)		4	20
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)		20	100
	Mua xe máy		8	160
3	Huyện Bù Gia Mập		155	30.266
	Hỗ trợ đất ở		2	1.050
	Sửa nhà		3	2.760
	Xây dựng nhà vệ sinh		12	2.520
	Nước sinh hoạt (đào giếng)		4	825
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)		24	5.730
	Kéo điện (điện lưới)		24	588
	Kéo điện (điện mặt trời)		4	108
	Chăn nuôi (Bò)		23	13.840
	Chăn nuôi (Trâu)		1	40
	Chăn nuôi (Dê)		2	320
	Chăn nuôi (Heo)		3	440
	Nông cụ (máy cắt cỏ)		25	985
	Nông cụ (máy cưa)		1	140



STT	Đơn vị	kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	
			Chỉ tiêu	Kinh phí
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)		22	820
	Mua xe máy		5	100
4	Huyện Hớn Quản		152	3.500
	Sửa nhà		24	720
	Xây dựng nhà vệ sinh		36	540
	Nước sinh hoạt (đào giếng)		26	780
	Kéo điện (điện lưới)		10	35
	Chăn nuôi (Bò)		26	1.040
	Chăn nuôi (Trâu)		2	80
	Nông cụ (máy cắt cỏ)		9	45
	Nông cụ (máy cưa)		6	30
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)		2	10
	Mua xe máy		11	220
5	Huyện Bù Đăng		656	15.322,5
	Hỗ trợ đất ở		9	450
	Sửa nhà		56	1.680
	Xây dựng nhà vệ sinh		116	1.740
	Nước sinh hoạt (đào giếng)		20	300
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)		109	3.270
	Kéo điện (điện lưới)		41	143,5
	Kéo điện (điện mặt trời)		6	54
	Chăn nuôi (Bò)		162	6.480
	Chăn nuôi (Heo)		10	400
	Chăn nuôi (Gà)		1	40
	Trồng nấm		1	20
	Nông cụ (máy cắt cỏ)		97	485
	Nông cụ (máy cưa)		6	30
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)		14	70
	Mua xe máy		8	160
6	Huyện Lộc Ninh		360	9.892
	Hỗ trợ đất ở		3	150
	Sửa nhà		49	1.470
	Xây dựng nhà vệ sinh		74	1.110
	Nước sinh hoạt (đào giếng)		7	105
	Nước sinh hoạt (khoan giếng)		39	1.170
	Kéo điện (điện lưới)		38	133,0
	Kéo điện (điện mặt trời)		1	9
	Chăn nuôi (Bò)		141	5.640
	Chăn nuôi (Dê)		1	40
	Nông cụ (Bình xịt thuốc)		1	5
	Mua xe máy		6	60
7	Mô hình giảm nghèo			13.676,5
	Thị xã Bình Long			590
	Huyện Đồng Phú			560
	Huyện Bù Đăng			2.260
	Huyện Bù Đốp			2.090
	Huyện Bù Gia Mập			3.130



STT	Đơn vị	kế hoạch năm 2021	Kế hoạch điều chỉnh năm 2021	
			Chỉ tiêu	Kinh phí
	Huyện Hớn Quản			1.000
	Huyện Phú Riềng			1.170
	Huyện Lộc Ninh			2.876,5





Phụ lục 3.4

DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021	Chủ đầu tư
	Tổng cộng	12.642.300	58.864	
1	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (dự án suối rạt + đường phía đông nam QL14)	1.460.000	6.072	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Đường cao tốc TPHCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành		3.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	120.000	528	UBND huyện Phú Riềng
4	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tỉnh Bình Phước	673.300	2.963	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	655.000	2.882	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng các đường kết nối QL 14 với các hồ bậc thang Suối Cam	150.000	660	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (các tuyến đường còn lại, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước)	300.000	1.320	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng đường kết nối các khu CN khu vực huyện Chơn Thành	200.000	880	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	300.000	1.320	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	120.000	528	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Phước	80.000	352	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
12	Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại các cửa khẩu và lối mở biên giới	80.000	352	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
13	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	150.000	660	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
14	Xây dựng đường kết nối từ ấp đên đên thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	100.000	440	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
15	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú - Bình Dương)	220.000	968	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
16	Xây dựng đường tránh phía đông QL 13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	190.000	836	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
17	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ đốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	80.000	352	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập) đến đường QL 14C xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	75.000	532	UBND huyện Bù Gia Mập
19	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	110.000	484	UBND huyện Hớn Quản
20	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	130.000	660	TX Bình Long



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn năm 2021	Chủ đầu tư
21	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương TX Bình Long	280.000	1.232	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
22	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	35.000	154	Công an tỉnh
23	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	80.000	352	UBND thành phố Đồng Xoài
24	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riêng Đò	300.000	1.320	UBND thành phố Đồng Xoài
25	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	65.000	286	UBND thành phố Đồng Xoài
26	Xây dựng đường liên xã Phú Nghĩa đi Phú Văn	54.000	338	UBND huyện Bù Gia Mập
27	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	1.450.000	6.380	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
28	Đường từ QL14 xã Minh Thắng đi sân bay Tecnich	300.000	1.320	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
29	Xây dựng đường từ ngã 3 Đồng Tâm huyện Lộc Ninh đi TX Phước Long	400.000	1.760	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
30	Xây dựng đường vành đai ngoài các khu công nghiệp TP. Đồng Xoài	150.000	660	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
31	Xây dựng trường TH, THCS&THPT Tân Phú TP. Đồng Xoài	500.000	2.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
32	Mở rộng ĐT.758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL14	500.000	2.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
33	Nâng cấp Trung tâm y tế thị xã Phước Long	50.000	220	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
34	Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	50.000	220	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
35	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa huyện Bù Đăng	138.000	607	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
36	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	450.000	2.180	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
37	Xây dựng đường kết nối Đồng Xoài - Hớn Quản	800.000	3.520	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
38	Nâng cấp mở rộng ĐT.753B đoạn Lam Sơn - Đăng Hà	220.000	968	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
39	Dự án công viên khu hành chính tỉnh	144.000	634	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
40	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	150.000	660	Sở Y tế
41	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	60.000	264	Sở Thông tin và Truyền thông
42	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	446.000	1.962	Sở Thông tin và Truyền thông
43	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	400.000	1.760	Sở GDĐT
44	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	130.000	572	Đài PTTH
45	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	100.000	440	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
46	Xây dựng đường Trung tâm hành chính xã Thành Tâm nối dài	60.000	264	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
47	Xây dựng công trình bảo vệ và phát triển rừng tại vườn QG Bù Gia Mập	82.000	361	Vườn QG Bù Gia Mập
48	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	55.000	242	Công An tỉnh